TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/DS – ST
Ngày 30/06/2023
V/v "Tr/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hữu Như Ngọc và bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST – DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐ-TA ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1972. (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm Tân Ph, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc X – sinh năm 1977. (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm Đông H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Ngọc S – sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm Tân Ph, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Anh Đỗ Thế A – Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm Tân Ph, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Người được anh S và anh A ủy quyền: Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1972. Địa chỉ: xóm Tân Ph, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Quốc Th – công tác tại Văn phòng luật sư Thành Điệp và cộng sự. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Trần Văn G – sinh năm 1974. Có mặt.

Trú tại: xóm Đông H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Ngọc Đ – sinh năm 1987. Có mặt.

Trú tại: xóm Đông H, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/01/2014, anh Nguyễn Ngọc X có vay tiền của vợ chồng tôi là Nguyễn Thị B và Đỗ Minh Kh với số tiền 70.000.000 đồng, hứa sẽ trả trong năm 2014 là 40.000.000 đồng, sang năm 2015 trả hết số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, anh X có viết giấy vay tiền, ký ở phần cuối giấy. Khi vay nghĩ anh X chỉ vay một thời gian ngắn nên không thỏa thuận lãi suất vay. Đến hết năm 2015 anh X không trả cho vợ chồng tôi số tiền trên, cho đến năm 2020 anh Kh qua đời thì anh X có nói là chồng tôi nợ anh X 65.000.000 đồng nên số tiền còn lại anh X còn nợ vợ chồng tôi là 5.000.000 đồng, anh X nói vậy nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh chồng tôi nợ anh X. Từ đó đến nay tôi yêu cầu anh X trả số tiền trên cho tôi nhưng anh X không trả.

Nay chị B yêu cầu anh Nguyễn Ngọc X phải trả cho chị số tiền gốc vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Đối với tiền lãi suất chị B yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án thì tại phiên toà hôm nay chị B xin rút về phần tính lãi suất không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi suất nữa.

- Bị đơn Nguyễn Ngọc X trình bày: Vào năm 2014 anh có vay của gia đình anh Kh và chị B số tiền 70.000.000 đồng và có hẹn trả hết số tiền vay trên vào năm 2014 là 40.000.000 đồng và sang năm 2015 trả hết số tiền còn ại là 30.000.000 đồng và có viết giấy vay tiền cho anh chị. Do anh X và anh Kh chồng chị B cùng làm ăn chung với nhau nên khi vay không nói đến lãi suất. Đến năm 2018 tôi và anh Kh có thoả thuận bằng miệng với nhau để cho tôi thuê người đi lắp giàn giáo tại nhà máy xi măng Tân Thắng, khi hai người chưa giải quyết xong công việc ở nhà máy xi măng Tân Thắng thì anh Kh qua đời. Anh Kh đã nhận tiền ở nhà máy xi Măng Tân Thắng nhưng chưa đưa cho anh X để trả tiền cho công nhân. Trong khi đó anh X là người trực tiếp đi thuê công nhân nên phải trả công cho họ và đã trả tiền công cho công nhân 75.000.000 đồng. Đáng ra số tiền này anh Kh là người phả trả cho tôi nhưng anh Kh chưa trả nên tôi coi như đã trừ vào số tiền mà tôi nợ vợ chồng anh Kh.

Nay chị B yêu cầu tôi trả 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong ba năm thì tôi không nhất trí vì tôi đã trừ số tiền anh Kh nợ tôi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

- Đại diện VKS nhân dân huyện Nghĩa Đàn nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Anh Nguyễn Ngọc X có nghĩa vụ thanh toán số tiền 70.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị B và những gười liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B và người liên quan, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn anh Nguyễn Ngọc X cư trú tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, vắng mặt những người liên quan nhưng đã uỷ quyền toàn bộ cho nguyên đơn, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2/ Về yêu cầu của đương sự:

Chị Nguyễn Thị B cho rằng vào ngày 30/01/2014 anh Nguyễn Ngọc X có vay tiền vợ chồng chị với số tiền là 70.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền do anh X tự viết và ký ở mục người vay tiền, tiền lãi không tính và hẹn trong năm 2014 sẽ trả 40.000.000 đồng và đến năm 2015 thì trả 30.000.000 đồng. Nhưng đến hẹn anh X không trả tiền cho vợ chồng chị, đến năm 2020 chồng chị chết thì anh X nói chồng chị đang nợ anh nên anh đã trừ vào tiền chồng chị nợ và không trả cho chị nữa. Chị B đưa ra chứng cứ là giấy vay tiền do anh X viết giao nộp cho Tòa án.

Anh Nguyễn Ngọc X xác nhận anh có vay tiền vợ chồng chị B và anh Kh là có thật, chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 30/01/2014 do chị B giao nộp cho Tòa án là do anh viết và ký. Nhưng anh cho rằng anh Kh chồng chị B khi còn sống cùng làm ăn với anh, khi anh Kh mất thì anh Kh còn nợ tiền công nhân của anh 75.000.000 đồng nên anh đã trừ số tiền anh vay vợ chồng anh chị vào số tiền này, anh X cũng thừa nhận là anh tự trừ số tiền nợ, không có giấy tờ gì để chứng minh khoản tiền mà anh Kh nợ công nhân nên anh không nợ vợ chồng chị B nữa.

Tuy nhiên, Tòa án đã giao trách nhiệm yêu cầu anh X cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng anh X không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Đồng thời, anh cũng thừa nhận có vay tiền của vợ chồng chị B nhưng anh chưa trả và tự trừ vào số tiền anh Kh đang nợ tiền công nhân anh thuê đi làm cho anh Kh nhưng anh X lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh khoản tiền anh Kh khi còn sống có nợ tiền công nhân anh. Mặt khác thì anh cùng thừa nhận số tiền 70.000.000 đồng anh vay vợ chồng chị B anh chưa trả, điều đó chứng tỏ anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong giấy vay tiền theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ sự phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ cần phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc anh X phải trả nợ cho chị Nguyễn Thị B và những người liên quan số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc đã vay.

Về lãi suất: Tại phiên toà hôm nay chị B đã rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc X cho rằng anh Kh khi còn sống có nợ anh 75.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh cũng không có yêu cầu phản tố và anh cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên yêu cầu của anh sẽ được tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi suất vay do chị B rút yêu cầu.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B:

Buộc anh Nguyễn Ngọc X phải trả cho chị Nguyễn Thị B và người có quyền lợi liên quan số tiền là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có

quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3/ Án phí: Anh Nguyễn Ngọc X phải chịu 3.500.000 đồng *(Ba triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng *(Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005937 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng đã ủy quyền cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Nghĩa Đàn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Xuân